

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **118/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 30 - 9 - 2022

V/v “ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức Hoà

2. Bà Lê Thị Thân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: ông Lê Hồng Toàn.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2022/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc “ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Ma Thị Vân A, sinh năm: 1998

Địa chỉ: thôn 10, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: ông Vy A V, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn 2, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần 02 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 01/02/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ma Thị Vân A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà A và ông Vy A V tự nguyện chung sống vào năm 2018, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 13/4/2018. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông V thường xuyên cờ bạc, không quan tâm đến cuộc sống gia đình dẫn đến hai bên thường xuyên cãi nhau. Bà A và ông V đã số ly thân từ năm 2020 liên tục cho đến nay, kinh tế độc lập, bà A thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, hôn nhân không đạt được mục đích. Vì vậy, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông V để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 01 con chung tên là Vày Minh V, sinh ngày: 21/7/2018. Hiện nay cháu V đang sống với ông V. Bà A có nguyện vọng giao cháu V cho ông V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V thành niên. Về cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình Tòa án thụ lý vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Vy A V đều vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Ma Thị Vân A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Vy A V theo quy định. Do bị đơn ông Vy A V có nơi cư trú tại xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Về mâu thuẫn gia đình: bà Ma Thị Vân A và ông Vy A V tự nguyện chung sống vào năm 2018, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 13/4/2018. Trong thời gian chung sống bà A và ông V chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Bà A và ông V đã xảy ra mâu thuẫn nên không thể tiếp tục chung sống với nhau từ năm 2019. Ông V và bà A sống ly thân từ năm 2019 liên tục cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, kinh tế độc lập. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông V theo quy định nhưng ông V cũng không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình. Theo các tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai của người làm chứng xác định trong thời gian chung sống giữa ông V và bà A xảy ra mâu thuẫn và hiện nay ông V và bà A không còn chung sống với nhau từ năm 2020. Như vậy, bà A và ông V đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa bà A và ông V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà A là có căn cứ được chấp nhận.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Vày Minh V, sinh ngày: 21/7/2018. Nguyên đơn có nguyện vọng giao cháu V cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định cháu V đang sống với ông V từ năm 2020 cho đến nay. Do đó, cần giao cháu V cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà A phải chịu theo luật định.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị Vân A về việc ly hôn. Bà Ma Thị Vân A được ly hôn với ông Vy A V.

[2]. Về con chung: Giao cháu là Vày Minh V, sinh ngày: 21/7/2018 cho ông Vy A V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Bà A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản, vì quyền lợi của con chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con có quyền làm đơn thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà Ma Thị Vân A phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 016007 ngày 22/2/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Điều Thị Hạnh